

**KẾ HOẠCH BAY NGÀY 03/03/2026**

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD1+TD5	7:25	10+12	0+0		1+21	0+0	
2		BK6+RP2	7:25	11+10	0+0		4+13	0+0	
3		CLO+TD1	7:25	14+7	0+0		14+8	0+0	chuyen 1 Clo-td1
4		BK5+TD3	7:25	8+14	0+0		2+9	0+0	
5		RC10-CTC1	9:25	4+17	0+0		4+11	0+0	
6		SAVR+P2	9:25	4+15	0+0+0		0+17	0+0+0	
7		P11+TD2+P5	9:25	4+17+1	0+0+0		0+19+1	0+0+0	
8		RC3+RP2	9:25	13+9	0+0		7+10	0+0	
9		BK8+BK5+TD1	11:45	11+1+10	0+0+0		6+5+7	0+0+0	
10		P10+P2	11:45	7+13	0+0		2+13	0+0	
11		RP2	13:45	19	0+0		8	0+0	

**TTĐBSX**

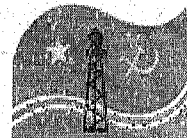
Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.

1/1 người TD5 về đi PVD8

2/Đi về trong ngày TD1-2ng, BK5-3ng



# FLIGHT MANIFEST



VIETSOVPETRO

DATE: 03/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO:TD1 - TD5	CREW: HUNG - SON - THANH	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 01		VNHS FLIGHT: TM26/0985	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	ZAKLADNYI R.N.	TD1	95	1	2			100	D-HANH	Russian
2	FOK S.I.	TD1						126	KHOAN	Russian
3	ĐO THANH HOẠT	TD1	94	1	4			81	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN GIANG	TD1	25	1	2			63	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN TUẤN ANH	TD1	23	1	10			58	KHOAN	Vietnamese
6	LƯU THIÊN ĐỨC	TD1	93	1	4			64	KHOAN	Vietnamese
7	TRẦN MẠNH TIẾP	TD1	96	1	5			65	KHOAN	Vietnamese
8	DƯƠNG MINH ĐỨC	TD1	24	1	4			70	KHOAN	Vietnamese
9	VŨ VĂN KIẾN	TD1	92	1	5			74	KHOAN	Vietnamese
10	PHẠM VĂN TRÍ	TD1	96	1	8			69	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN HOÀNH VŨ	TD5	42-43	2	11			70	KHOAN	Vietnamese
12	LƯU THẾ ĐIỆN	TD5	47	1	8			71	KHOAN	Vietnamese
13	PHẠM XUÂN HAI	TD5	44	1	4			74	KHOAN	Vietnamese
14	ĐẶNG MINH KHAI	TD5	46	1	12			84	KHOAN	Vietnamese
15	HỒ THANH QUANG	TD5	49	1	6			72	KHOAN	Vietnamese
16	LƯƠNG MINH PHỤNG	TD5	54	1	10			62	KHOAN	Vietnamese
17	TẠ HOÀI TRĂNG	TD5	45	1	14			73	ANTOAN	Vietnamese
18	ĐẶNG VĂN HƠN	TD5	50	1	9			83	KHOAN	Vietnamese
19	PHẠM VĂN THUẬN	TD5	51	1	10	1	13	76	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN NGÀ	TD5	48	1	3			62	KHOAN	Vietnamese
21	PHẠM VĂN DUY	TD5	55	1	7			69	KHOAN	Vietnamese
22	PHAN HOÀNG LAM	TD5	53	1	7			72	KHOAN	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD1	10	770	9	44	0	0	2		
2	TD5	12	868	13	101	1	13	20		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>1.638</b>	<b>22</b>	<b>145</b>	<b>1</b>	<b>13</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.638</b>		<b>145</b>		<b>13</b>			

GRAND TOAL: 1,796 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ ÁNH

CREW

LÊ QUÝ HUNG  
PHẠM THÁI SON



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:35
B.CARD: CAM-1	TO: BK6 - RP2	CREW: LHM - HUC - DUNG	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 02		VNHS FLIGHT: TM26/0993	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	LE NGOC AN	BK6	32-33	2	18			75	KH-THAC	Vietnamese
2	LE HUY TIEN HAI	BK6	35	1	7			69	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAN CONG THANH	BK6	42	1	5			80	KH-THAC	Vietnamese
4	TRUONG THE VINH	BK6	02	1	10			75	KH-THAC	Vietnamese
5	DOAN HONG DUONG	BK6	40-41	2	20			71	KH-THAC	Vietnamese
6	LE ANH TUAN	BK6	36-37	2	12			73	KH-THAC	Vietnamese
7	LAM VAN HANH	BK6	29	1	9	3	50	61	KH-THAC	Vietnamese
8	DOAN NGOC THUONG	BK6	34	1	12			84	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN CUONG TAN	BK6	30-31	2	20			82	XAYLAP	Vietnamese
10	TRAN MINH THONG	BK6	38-39	2	17			72	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYEN VAN PHE	BK6						73	PSV	Vietnamese
12	KHALIMOV AIDAR	RP2	09-10	2	13			91	KH-THAC	Russian
13	DINH XUAN GIANG	RP2	12	1	5			75	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN TRONG HOANG	RP2	06	1	2			64	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAM XUAN KHOA	RP2	08	1	15			66	KH-THAC	Vietnamese
16	LUU VAN DIEN	RP2	07	1	5			75	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN HUNG CUONG	RP2	11	1	2	3	60	83	KH-THAC	Vietnamese
18	TRAN VAN KHUONG	RP2	14	1	6			78	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN LE MINH TUAN	RP2	13	1	10			98	KH-THAC	Vietnamese
20	TRAN NGOC CHINH	RP2						80	KH-THAC	Vietnamese
21	BUI KHAC HOANG	RP2	15	1	15			62	YTE	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK6	11	815	15	130	3	50	4		
2	RP2	10	772	10	73	3	60	13		
<b>TOTAL</b>		<b>21</b>	<b>1.587</b>	<b>25</b>	<b>203</b>	<b>6</b>	<b>110</b>	<b>17</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.587</b>		<b>203</b>		<b>110</b>			

GRAND TOAL: 1.900 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

LAI HONG DIEP

CREW

LUU THANH HAI  
HOANG ANH DUC



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:40
B.CARD: TRANG-I	TO: CLO - TDI	CREW: VIỆT - XTRƯỜNG - HIẾU	ETA: 09:30
VSP FLIGHT: 03		VNHS FLIGHT: TM26/0989	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	ĐẶNG DUY LY	CLO	89	1	4			69	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN KHANH	CLO	500	1	7			76	KHOAN	Vietnamese
3	ĐỖ TRƯỜNG GIANG	CLO	93	1	12			78	KHOAN	Vietnamese
4	BUI TRƯỜNG SINH	CLO	91	1	8			74	KHOAN	Vietnamese
5	VŨ MẠNH HÙNG	CLO	87	1	4			74	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN HỮU THẮNG	CLO	88	1	5			66	KHOAN	Vietnamese
7	THẠCH HỮU TÂN	CLO	98-99	2	9			70	YTE	Vietnamese
8	PHẠM TẤT LỰC	CLO	95-96	2	9			71	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN MẠNH HÙNG	CLO	90	1	8			75	KHOAN	Vietnamese
10	TRẦN VĂN KHANG	CLO						73	KHOAN	Vietnamese
11	BUI XUÂN DUY	CLO	94	1	3			64	KHOAN	Vietnamese
12	ĐINH XUÂN PHU	CLO	92	1	7			69	KHOAN	Vietnamese
13	BUI TRẦN NAM	CLO	97	1	5			70	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN CÔNG TIẾN	CLO	31	1	5			58	PSV	Vietnamese
15	HA VAN TRUONG	TDI	52	1	11			57	XAYLAP	Vietnamese
16	ĐỖ CÔNG PHONG	TDI	55	1	10			70	XAYLAP	Vietnamese
17	HÀ ĐỨC KHÁNH	TDI	53	1	5	1	17	69	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN XUÂN KHOA	TDI	57	1	7	1	21	69	XAYLAP	Vietnamese
19	VŨ VĂN QUY	TDI	60	1	3			57	KHOAN	Vietnamese
20	THAI ĐỨC TOÀN	TDI	56	1	3			61	KHOAN	Vietnamese
21	HỒ VĂN HẬU	TDI	59	1	6			65	KHOAN	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	CLO	14	987	15	86	0	0	14	1	CHUYEN I.PAX CLO-TDI
2	TDI	7	448	7	45	2	38	8		
<b>TOTAL</b>		<b>21</b>	<b>1.435</b>	<b>22</b>	<b>131</b>	<b>2</b>	<b>38</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.435</b>		<b>131</b>		<b>38</b>			

GRAND TOAL: 1.604 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ HẰNG

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT  
HÀ XUÂN TRƯỜNG





# FLIGHT MANIFEST



VIETSOVPETRO

DATE: 03/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:45
B.CARD: NÂU-1	TO: BK5 - TD3 - CTK3	CREW: DUONG - HTRUNG - NNAM	ETA: 09:35
VSP FLIGHT: 04		VNHS FLIGHT: TM26/0991	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	THAI HAI HA	BK5	21	1	6	2	35	62	KH-THAC	Vietnamese
2	VU VAN MANH	BK5						78	KH-THAC	Vietnamese
3	TRAN VAN SON	BK5						59	KH-THAC	Vietnamese
4	TRAN NGUYEN BAO MINH	BK5						81	KH-THAC	Vietnamese
5	TRAN VAN THUAN	BK5	22	1	5			72	KH-THAC	Vietnamese
6	BUI TRAN VIET	BK5	20	1	6			67	KH-THAC	Vietnamese
7	DANG ANH TUAN	BK5	19	1	13			49	XAYLAP	Vietnamese
8	TRINH XUAN TAI	BK5	17-18	2	19			69	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYEN HUU NHAN	TD3	33	1	5	4	65	71	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN THANH BINH	TD3	30	1	4			68	KHOAN	Vietnamese
11	LE SY HUNG	TD3	32	1	8			68	KHOAN	Vietnamese
12	BUI VAN NGHIA	TD3	31	1	6			77	KHOAN	Vietnamese
13	LUU QUYET THANG	TD3						69	KHOAN	Vietnamese
14	TRAN VAN PHONG	TD3	27	1	4			66	KHOAN	Vietnamese
15	LA THANH	TD3	37	1	9	5	21	84	YTE	Vietnamese
16	NGUYEN VIET HUNG	TD3	34	1	12			72	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN THANH NHAN	TD3	35-36	2	12			75	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYEN SON HAI	TD3	28	1	5			78	KHOAN	Vietnamese
19	LE TRUNG SON	TD3						76	D-HANH	Vietnamese
20	TRAN QUANG HUY	TD3	29	1	9			88	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK5	8	537	6	49	2	35	2		
2	TD3	12	892	11	74	9	86	9		
3	CTK3	0	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		20	1,429	17	123	11	121	12		
WEIGHT KG			1,429		123		121			

GRAND TOAL: 1.673 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

NGUYEN MAI PHI

CREW

BUI HOANG DUONG  
 NGUYEN DUC HANH TRUNG



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
B.CARD: XANH-2	TO: RC10 - CTC1	CREW: HUNG - SON - THANH	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 05		VNHS FLIGHT: TM26/0986	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYEN TAT THANH	RC10	07	1	5			60	KH-THAC	Vietnamese
2	TA VAN VIET	RC10	08	1	10			79	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAM TRUNG KIEN	RC10						69	KH-THAC	Vietnamese
4	BUI DUC KHANH	RC10	09	1	7			52	PSV	Vietnamese
5	NGUYEN BINH LONG	CTC1	27	1	9			63	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN TRUNG HIEU	CTC1	29	1	7			87	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN TIEN THUC	CTC1	25-26	2	11			83	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAN VAN LY	CTC1	24	1	8			82	KH-THAC	Vietnamese
9	NGO MINH PHUONG	CTC1	35-36	2	18			90	ANTOAN	Vietnamese
10	NGUYEN DAI KHOA	CTC1	43-44	2	15	4	68	70	KH-THAC	Vietnamese
11	LE VAN NGHI	CTC1	40-41	2	17			66	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN NGOC DAO	CTC1	45-46	2	19			68	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAM VAN LONG	CTC1	31	1	10			68	KH-THAC	Vietnamese
14	BUI SY HIEU	CTC1	32	1	7			62	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN TRONG KHOA	CTC1	30	1	6			65	KH-THAC	Vietnamese
16	TRAN HOANG SANG	CTC1	34	1	13			94	KH-THAC	Vietnamese
17	TRAN TRONG MANH	CTC1	33	1	12			58	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAM BUI DINH LOC	CTC1	28	1	6			88	KH-THAC	Vietnamese
19	LE THANH BINH	CTC1	42	1	8			66	KH-THAC	Vietnamese
20	TRAN VAN HIEU	CTC1	37	1	5	2	17	89	NIPI	Vietnamese
21	TRAN VAN NGHIA	CTC1	23	1	4			70	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RC10	4	260	3	22	0	0	4		
2	CTC1	17	1.269	22	175	6	85	11		
<b>TOTAL</b>		<b>21</b>	<b>1.529</b>	<b>25</b>	<b>197</b>	<b>6</b>	<b>85</b>	<b>15</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.529</b>		<b>197</b>		<b>85</b>			

GRAND TOAL: 1.811 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

NGUYEN THI HANG

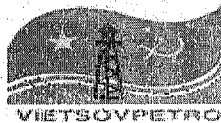
CREW

LE QUY HUNG  
PHAM THAI SON





# FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 09:55
B.CARD: CAM-2	TO:SAVR- P2	CREW: LHM - HƯC - DƯNG	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 06		VNHS FLIGHT: TM26/0994	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	PHAM THE QUANG	SAVR	67	1	13			75	KH-THAC	Vietnamese
2	BELAIEV S. A.	SAVR	66	1	15			80	KH-THAC	Russian
3	NGUYEN THANH LUAN	SAVR	70	1	9			58	KH-THAC	Vietnamese
4	VU THAI THANH	SAVR	68-69	2	17			77	KH-THAC	Vietnamese
5	DUBOV A.V.	P2	60	1	7			95	KH-THAC	Russian
6	DUONG XUAN DIEP	P2	62	1	5			48	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN THE ANH	P2	52-53	2	8			69	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAM QUOC HIEN	P2	58	1	4			57	KH-THAC	Vietnamese
9	HOANG MINH ĐỨC	P2	51	1	4			64	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐOAN NGUYEN BAO CHAU	P2	59	1	2			56	KH-THAC	Vietnamese
11	LUONG XUAN THAI	P2	47	1	6			73	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAM NGUYEN HOANG PHUC	P2	57	1	4			87	KH-THAC	Vietnamese
13	HOANG DINH QUÊ	P2	49	1	9			90	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN TRỌNG PHONG	P2	50	1	9			75	YTE	Vietnamese
15	VU VAN HIEU	P2	46	1	3			57	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ VĂN ĐÔNG	P2	61	1	2			79	KH-THAC	Vietnamese
17	TANG MẠNH HÀ	P2	48	1	5			72	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN VAN KHAI	P2	54	1	10			71	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ VĂN VƯỢNG	P2	45	1	4			76	KH-THAC	Vietnamese
20	VU NGOC DUNG	P2	57	1	2			63	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN HUU HA	P2	56	1	7			54	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE				ARRIVAL		REMARK		
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO			PAX	CARGO
				PCS	WT	PCS	WT			
1	SAVR	4	290	5	54	0	0	4		
2	P2	17	1.186	18	91	0	0	17		
<b>TOTAL</b>		<b>21</b>	<b>1.476</b>	<b>23</b>	<b>145</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>21</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.476</b>		<b>145</b>		<b>0</b>			

GRAND TOAL: 1.621 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ ANH

CREW

LƯU THANH HẢI  
HOÀNG ANH ĐỨC



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:58
B.CARD: TRANG-2	TO: P11- TD2 - P5	CREW: VIỆT - XTRƯỜNG - HIẾU	ETA: 11:50
VSP FLIGHT: 7		VNHS FLIGHT: TM26/0990	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	HỒ NGỌC BÈN	P11	44	1	15			71	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN NHẬT KIM LONG	P11	49-50	2	16			58	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐÌNH VĂN TÂM	P11	45	1	10	2	33	66	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN TUẤN ANH	P11	48	1	12			67	DVL	Vietnamese
5	VŨ VĂN ĐOAI	TD2	74	1	5	1	5	81	KHOAN	Vietnamese
6	LÊ TRUNG HIẾU	TD2	67-68	2	12			95	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN DUY KIÊN	TD2	69	1	3			80	KHOAN	Vietnamese
8	LÊ XUÂN PHƯƠNG	TD2	72	1	8			71	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN PHONG	TD2	82	1	4			62	KHOAN	Vietnamese
10	VŨ SĨ MINH TÂN	TD2	77	1	6			57	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN THANH TRƯỜNG	TD2	79	1	9			93	KHOAN	Vietnamese
12	NGHIÊM XUÂN VIỆT	TD2	80	1	13			67	ANTOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN BAO	TD2	81	1	9			84	KHOAN	Vietnamese
14	CAO ĐỨC VIỆN	TD2	73	1	4			60	KHOAN	Vietnamese
15	TRỊNH QUỐC KHÁNH	TD2	78	1	5			79	KHOAN	Vietnamese
16	QUÁCH VĂN CỬ	TD2	75	1	4			68	KHOAN	Vietnamese
17	LÊ HỮU HẬU	TD2						68	KHOAN	Vietnamese
18	LÊ HÙNG CƯỜNG	TD2	76	1	4			99	KHOAN	Vietnamese
19	LÊ TRƯỜNG LÂM	TD2	71	1	9			80	KHOAN	Vietnamese
20	SUSTAVOV V.S.	TD2	70	1	10			123	D-HANH	Russian
21	ĐẠO XUÂN THANH	P5	48	1	5			68	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P11	4	262	5	53	2	33	0		
2	TD2	16	1.267	16	105	1	5	19		
3	P5	1	68	1	5	0	0	1		
<b>TOTAL</b>		<b>21</b>	<b>1.597</b>	<b>22</b>	<b>163</b>	<b>3</b>	<b>38</b>	<b>20</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.597</b>		<b>163</b>		<b>38</b>			

GRAND TOAL: 1.798 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT  
HÀ XUÂN TRƯỜNG



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 10:00
B.CARD: VANG-2	TO: RC3 - RP2	CREW: DUONG - HTRUNG - NNAM	ETA: 11:55
VSP FLIGHT: 8		VNHS FLIGHT: TM26/0992	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	VU LE TRUNG	RC3	13	1	3			66	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN TRONG TAN	RC3	11	1	5	1	4	65	KH-THAC	Vietnamese
3	DUONG CONG PHUNG	RC3	07	1	9			75	KH-THAC	Vietnamese
4	NGO KHANH NAM	RC3	10	1	4			83	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAN HAI VIET	RC3	12	1	7			92	KH-THAC	Vietnamese
6	LE TRUONG CHINH	RC3	08	1	4			66	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN MANH HIEN	RC3	18-19	2	18			76	XAYLAP	Vietnamese
8	PHAM NHU SANG	RC3	15	1	13			70	XAYLAP	Vietnamese
9	HOANG NGOC HOAI	RC3	16-17	2	20			63	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYEN THE ANH	RC3	20	1	15			80	XAYLAP	Vietnamese
11	DO NHAT QUI	RC3	21-22	2	19	1	24	68	XAYLAP	Vietnamese
12	KIEU VAN TUAN	RC3	14	1	3	1	9	76	PSV	Vietnamese
13	NGUYEN MINH GIAU	RC3	09	1	4			66	PSV	Vietnamese
14	DO DUC CUONG	RP2						79	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN QUOC TUAN	RP2	25	1	8	1	14	64	KH-THAC	Vietnamese
16	TRAN THIEN PHUOC	RP2	24	1	7			72	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN HONG QUANG	RP2	27	1	4			63	KH-THAC	Vietnamese
18	HO DUC LONG	RP2	20	1	5			57	KH-THAC	Vietnamese
19	VU HUU QUAN	RP2	21	1	6			60	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN VIET NHUONG	RP2	23	1	7			59	KH-THAC	Vietnamese
21	LE LAM	RP2	19	1	6			66	KH-THAC	Vietnamese
22	LE HOANG LONG	RP2	22	1	10			85	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RC3	13	946	16	124	3	37	7		
2	RP2	9	605	8	53	1	14	10		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>1.551</b>	<b>24</b>	<b>177</b>	<b>4</b>	<b>51</b>	<b>17</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.551</b>		<b>177</b>		<b>51</b>			

GRAND TOAL: 1.779 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

DANG THUY ANH

CREW

BUI HOANG DUONG

NGUYEN DUC HANH TRUNG



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:10
B.CARD: CAM-3	TO: BK8 - BK5 - TD1	CREW: LINH - MTHAO - HUY	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 9		VNHS FLIGHT: TM26/0987	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYEN TAT HOA	BK8	74	1	3	2	35	77	KH-THAC	Vietnamese
2	HOANG SY NGOC	BK8	70	1	6			69	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN THANH HAI	BK8	77	1	10			108	KH-THAC	Vietnamese
4	TRAN THANH SON	BK8	75	1	4			63	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN CONG TRI	BK8	76	1	8			91	KH-THAC	Vietnamese
6	DAO DUC THAI	BK8	69	1	16			87	KH-THAC	Vietnamese
7	LE BA HOA	BK8	71	1	15	1	15	74	KH-THAC	Vietnamese
8	LE QUANG HUNG	BK8	78	1	14			75	KH-THAC	Vietnamese
9	HOANG NGOC LAN	BK8	67-68	2	18			79	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN QUY TAI	BK8	73	1	15			60	KH-THAC	Vietnamese
11	BUI DAC CANH	BK8	66	1	5			67	PSV	Vietnamese
12	NGUYEN HUU NGHIEM	BK5	79	1	5			57	PSV	Vietnamese
13	HOANG TUAN ANH	TD1	69	1	16			77	KHOAN	Vietnamese
14	PHAM TIEN NINH	TD1	71	1	7			71	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN THANH LUAN	TD1	70	1	7			79	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN XUAN CHUONG	TD1	67	1	5			64	KHOAN	Vietnamese
17	BUI QUANG MANH	TD1	65-66	2	14			75	KHOAN	Vietnamese
18	LUU XUAN HANH	TD1	64	1	12			69	KHOAN	Vietnamese
19	ĐINH VAN BAC	TD1	61	1	14			66	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYEN VAN DAT	TD1	63	1	8			53	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYEN VAN YEN	TD1	62	1	7			47	KHOAN	Vietnamese
22	NGUYEN HUU TRIET	TD1	68	1	7			68	DVL	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK8	11	850	12	114	3	50	6		
2	BK5	1	57	1	5	0	0	5		
3	TD1	10	669	11	97	0	0	6		
TOTAL		22	1.576	24	216	3	50	17		
WEIGHT KG			1.576		216		50			

GRAND TOAL: 1.842 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐẶNG THÚY ANH

CREW

NGÔ VĂN LINH  
MAI VĂN THAO





# FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 12:15
B.CARD: TRANG-3	TO: P10 - P2	CREW: LHM - HUC - DUNG	ETA: 14:05
VSP FLIGHT: 10	VNHS FLIGHT: TM26/0995		

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	IAKIMIDI R.	P10	45	1	10			110	KH-THAC	Russian
2	TRAN NAM THANG	P10	55	1	12	8	132	104	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAM TRUNG HIEU	P10	47,52	2	20			73	KH-THAC	Vietnamese
4	TRAN DUY KHANH	P10	53-54	2	21	1	15	75	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN HUY HOANG	P10	49-50	2	12			75	NIPI	Vietnamese
6	LE NHU CANG	P10	48	1	8			71	PSV	Vietnamese
7	CHU HUU NHAT	P10	46	1	4			50	PSV	Vietnamese
8	NGUYEN MANH PHUC	P2	47	1	5			49	KH-THAC	Vietnamese
9	HO HUU LINH	P2	53	1	4			88	KH-THAC	Vietnamese
10	DOAN KHAC CAN	P2	46	1	10			66	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN XUAN PHONG	P2	51	1	6			61	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN VAN HIEU	P2	48	1	6			84	KH-THAC	Vietnamese
13	K LING	P2	49	1	6			69	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAM VAN QUYEN	P2	52	1	3			65	KH-THAC	Vietnamese
15	DOAN VAN DU	P2	50	1	7			71	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN NGOC DU	P2	01	1	3			68	KH-THAC	Vietnamese
17	LE HOAI NAM	P2	06	1	4			58	PSV	Vietnamese
18	NGUYEN VIET HA	P2	45	1	9			75	PSV	Vietnamese
19	NGUYEN THANH DANH	P2	02-04	3	13			61	DUY LINH	Vietnamese
20	MAHAMACH SOLES	P2	05	1	13			69	DUY LINH	Vietnamese
21	NGUYEN TRUNG HIEU	P2	44	1	7			57	S-HUNG	Vietnamese
22	TRUONG NGOC LINH	P2	07	1	7			74	S-HUNG	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P10	7	558	10	87	9	147	2		
2	P2	15	1.015	17	103	0	0	13		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>1.573</b>	<b>27</b>	<b>190</b>	<b>9</b>	<b>147</b>	<b>15</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.573</b>		<b>190</b>		<b>147</b>			

GRAND TOAL: 1.910 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

LAI HONG DIEP

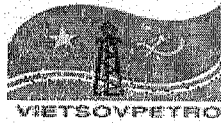
CREW

LUU THANH HAI  
HOANG ANH DUC





# FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 14:30
B.CARD: VANG-4	TO:RP2	CREW: LINH - MTHAO - HUY	ETA: 16:20
VSP FLIGHT: 11		VNHS FLIGHT: TM26/0988	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	TRẦN VĂN HỢP	RP2	41	1	5			72	KH-THAC	Vietnamese
2	VÕ HOÀNG CẨM	RP2	31	1	4			64	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN XUÂN HAI	RP2	56	1	4			66	KH-THAC	Vietnamese
4	LUƠNG NGỌC THANH	RP2	32	1	4			96	KH-THAC	Vietnamese
5	HOÀNG TUẤN CUÔNG	RP2	53	1	7			73	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN QUANG VINH	RP2	28	1	4			69	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN NGÓN QUANG DUY	RP2	29	1	9			96	KH-THAC	Vietnamese
8	LÀ NGỌC MẠNH	RP2	30	1	4			62	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ ĐÌNH TÂM	RP2	33	1	13			80	XAYLAP	Vietnamese
10	CAO MINH CUÔNG	RP2	43	1	14	2	39	92	XAYLAP	Vietnamese
11	PHẠM NGỌC ĐÌNH	RP2	45	1	11	1	15	77	XAYLAP	Vietnamese
12	TRẦN VĂN ĐẠT	RP2	39-40	2	10			65	XAYLAP	Vietnamese
13	LÊ TU KHA	RP2	42	1	18			91	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN HỮU TRƯỜNG	RP2	37-38	2	19			73	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN MẠNH LINH	RP2	34-35	2	20			79	XAYLAP	Vietnamese
16	LÊ NGUYỄN	RP2	47	1	11	1	19	73	NIPI	Vietnamese
17	PHẠM VĂN HÙNG	RP2	51	1	7			67	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN TRUNG (1975)	RP2	52	1	10			79	PSV	Vietnamese
19	ĐỖ MINH THUẬN	RP2	44	1	9			79	PSV	Vietnamese
20	VÕ VĂN TUẤN TỬ	RP2	49-50	2	8			70	PSV	Vietnamese
21	LUƠNG MẠNH HƯƠNG	RP2	36	1	4			64	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RP2	21	1.587	25	195	4	73	8		
TOTAL		21	1.587	25	195	4	73	8		
WEIGHT KG			1.587		195		73			

GRAND TOAL: 1.855 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐỖ THỊ HẢI YÊN

CREW

NGÔ VĂN LINH

MAI VĂN THAO

